A. f(x) và g(x) cùng nghịch biến trên khoảng $(o;+\infty)$

B. f(x) đồng biến và g(x) nghịch biến trên khoảng $(0;+\infty)$

C. f(x) và g(x) cùng đồng biến trên khoảng $(0;+\infty)$

D. f(x) nghịch biến và g(x) đồng biến trên khoảng $(0;+\infty)$

Câu 34 : Cho hàm số liên tục trên (a;b) và có đạo hàm trên khoảng đó. Mệnh đề nào sau đây đúng:

A. Tất cả đều sai

B. Nếu x_0 là nghiệm PT f'(x) = 0 thì x_0 là một điểm cực tiểu của hàm số.

C. Nếu x_0 là nghiệm PT f'(x) = 0 thì x_0 là một điểm cực đại của hàm số.

D. Nếu x_0 là nghiệm PT f'(x) = 0 thì x_0 là một điểm cực trị của hàm số.

Câu 35 :

Đồ thị (H_m): $y=\frac{mx-1}{2x+m}$. Với giá trị nào của m thì (H_m) đi qua điểm M(-1;0).

A. -1 **B.** 2 **C.** -2 **D.** 1

Câu 36 : Tìm phần thực và phần ảo của số phức $z = 1 + i$

A. Phần thực là 1 và phần ảo là i

B. . Phần thực là 1 và phần ảo là -1

C. Phần thực là 1 và phần ảo là 1

D. Phần thực là 1 và phần ảo là –i.

Câu 37 : Tìm tọa độ điểm M biểu diễn cho số phức $z = \sqrt{3} + i$

A. $M(\sqrt{3};0)$ **B.** $M(0;\sqrt{3})$ **C.** $M(\sqrt{3};1)$ **D.** $M(\sqrt{3};i)$

Câu 38 : Để cho phương trình : $x^3 - 3x = m$ có 3 nghiệm phân biệt, giá trị của m thoả mãn điều kiện nào sau đây:

A. $-2 < m < 2$ **B.** $-2 < m < 0$ **C.** $-2 < m < 1$ **D.** $-1 < m < 2$

Câu 39 : Mệnh đề nào sau đây đúng?

A. Tất cả đều sai

B. Mọi hàm số liên tục trên (a; b) thì đạt giá trị lớn nhất và nhỏ nhất trên đoạn đó.

C. Mọi hàm số liên tục và có cực trị trên (a; b) đều đạt giá trị lớn nhất; nhỏ nhất trên khoảng đó.

D. Mọi hàm số tăng (hoặc giảm) trên (a;b) đều đạt giá trị lớn nhất; nhỏ nhất trên đoạn [a;b] đó.

Câu 40 : Cho A (1;2;1) ; B(5;3;4) ;C(8;-3;2). Khi đó:

A. Tam giác ABC đều

B. Tam giác ABC không đặc biệt

C. Tam giác ABC cân

D. Tam giác ABC vuông

Câu 41 : Trong các mệnh đề sau, tìm mệnh đề sai ?

A. $\int kf(x)dx = k\int f(x)dx$

B. $\int [f(x)+g(x)]dx = \int f(x)dx + \int g(x)dx$

C. $\int [f(x).g(x)]dx = \int f(x)dx.\int g(x)dx$

D. $\int f'(x)f^2(x)dx = \frac{f^3(x)}{3} + C$

Câu 42 : Vị trí tương đối của hai đường thẳng $(d_1): \frac{x-2}{1} = \frac{y-2}{-1} = \frac{z-1}{2}$ và $(d_1): \begin{cases} x = t \\ y = 2t \\ z = 1+t \end{cases}$

A. . B. C. . D. .

A. Trùng nhau **B.** cắt nhau **C.** song song **D.** chéo nhau

Câu 43 : Cho hình chóp S.ABC có đáy ABC là tam giác vuông cân tại B, AB = BC = $a\sqrt{3}$, $\widehat{SAB} = \widehat{SCB} = 90^0$ và khoảng cách từ A đến mặt phẳng (SBC) bằng $a\sqrt{2}$. Tính diện tích mặt cầu ngoại tiếp hình chóp S.ABC theo a .

A. $S = 8\pi a^2$ **B.** $S = 16\pi a^2$ **C.** $S = 2\pi a^2$ **D.** $S = 12\pi a^2$

Câu 44 : Cho a > 0 và $a \neq 1$. Phát biểu nào sau đây đúng ?

A. $\int a^x dx = a^x \ln a + K$

B. $\int a^{2x} dx = \frac{a^{2x}}{2\ln a} + K$

C. $\int a^{2x} dx = a^{2x} + K$

D. $\int a^{2x} dx = a^{2x}.\ln a + K$

Câu 45 : Đạo hàm của hàm số $y = 4^x$

A. $x.4^{x-1}$ **B.** $4^x.\ln 4$ **C.** 4^x **D.** $x.4^{x+1}$

Câu 46 : Diện tích giới hạn bởi đường cong $y = x(3-x)^2$ và các đường thẳng x = 2; x = 4; Ox là:

A. 1 **B.** 2 **C.** 4 **D.** $2\frac{1}{2}$

Câu 47 : Trong không gian với hệ toạ độ *Oxyz*, cho 3 điểm A(3; 1; 1), B(7; 3; 9), C(2; 2; 2) và mặt phẳng (P) có phương trình: $x+y+z-3=0$. Tọa độ điểm M trên (P) sao cho $|\overrightarrow{MA}+2\overrightarrow{MB}+3\overrightarrow{MC}|$ nhỏ nhất có tọa độ

A. $M\left(\frac{13}{9};\frac{2}{9};-\frac{16}{9}\right)$ ***B.*** $M\left(\frac{13}{9};-\frac{2}{9};-\frac{16}{9}\right)$ **C.** $M\left(-\frac{13}{9};-\frac{2}{9};\frac{16}{9}\right)$ ***D.*** $M\left(\frac{13}{9};-\frac{2}{9};\frac{16}{9}\right)$

Câu 48 : Viết biểu thức $\sqrt[4]{x^2\sqrt[3]{x}}, (x>0)$ dưới dạng lũy thừa với số mũ hữu tỉ

A. $x^{\frac{5}{12}}$ **B.** $x^{\frac{7}{12}}$ **C.** $x^{\frac{9}{12}}$ **D.** $x^{\frac{11}{12}}$

Câu 49 : Một nguyên hàm F (x) của hàm số $f(x)=\sin 2x+\cos x$ là:

A. $F(x)=\cos 2x-\sin x$ **B.** $F(x)=-\frac{\cos 2x}{2}+\sin x$

C. $F(x)=-\cos 2x+\sin x$ **D.** $F(x)=\sin^2 x+\sin x$

Câu 50 : Khoảng cách giữa 2 đường thẳng : $\frac{x-2}{-1}=\frac{y+2}{1}=\frac{z-3}{1}$ và $\begin{cases}x=1+2t\\y=-1-t\\z=1\end{cases}$ là

A. $\frac{\sqrt{6}}{2}$ **B.** $\sqrt{2}$ **C.** $\frac{1}{\sqrt{6}}$ **D.** $\sqrt{6}$

hoc360.net

ĐÁP ÁN

01	{ |) ~	28	) | } ~		
02	) | } ~	29	{ |) ~		
03	{) } ~	30	{ | })		
04	{ | })	31	{) } ~		
05	{ | })	32	{) } ~		
06	{ | })	33	{) } ~		
07	) | } ~	34	) | } ~		
08	{) } ~	35	) | } ~		
09	{) } ~	36	{ |) ~		
10	{ |) ~	37	{ |) ~		
11	{) } ~	38	) | } ~		
12	) | } ~	39	) | } ~		
13	{ |) ~	40	{ | })		
14	{) } ~	41	{ |) ~		
15	{ |) ~	42	{ | })		
16	{ | })	43	{ | })		
17	{ |) ~	44	{) } ~		
18	{ | })	45	{) } ~		
19	{ | })	46	{) } ~		
20	) | } ~	47	{ | })		
21	{ |) ~	48	{) } ~		
22	{ |) ~	49	{) } ~		
23	) | } ~	50	{ | })		
24	) | } ~				
25	) | } ~				
26	) | } ~				
27	{ |) ~				

hoc360.net

01	Ⓐ	Ⓑ	●	Ⓓ	28	●	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
02	●	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	29	Ⓐ	Ⓑ	●	Ⓓ		
03	Ⓐ	●	Ⓒ	Ⓓ	30	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	●		
04	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	●	31	Ⓐ	●	Ⓒ	Ⓓ		
05	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	●	32	Ⓐ	●	Ⓒ	Ⓓ		
06	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	●	33	Ⓐ	●	Ⓒ	Ⓓ		
07	●	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	34	●	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
08	Ⓐ	●	Ⓒ	Ⓓ	35	●	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
09	Ⓐ	●	Ⓒ	Ⓓ	36	Ⓐ	Ⓑ	●	Ⓓ		
10	Ⓐ	Ⓑ	●	Ⓓ	37	Ⓐ	Ⓑ	●	Ⓓ		
11	Ⓐ	●	Ⓒ	Ⓓ	38	●	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
12	●	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	39	●	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ		
13	Ⓐ	Ⓑ	●	Ⓓ	40	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	●		
14	Ⓐ	●	Ⓒ	Ⓓ	41	Ⓐ	Ⓑ	●	Ⓓ		
15	Ⓐ	Ⓑ	●	Ⓓ	42	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	●		
16	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	●	43	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	●		
17	Ⓐ	Ⓑ	●	Ⓓ	44	Ⓐ	●	Ⓒ	Ⓓ		
18	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	●	45	Ⓐ	●	Ⓒ	Ⓓ		
19	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	●	46	Ⓐ	●	Ⓒ	Ⓓ		
20	●	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	47	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	●		
21	Ⓐ	Ⓑ	●	Ⓓ	48	Ⓐ	●	Ⓒ	Ⓓ		
22	Ⓐ	Ⓑ	●	Ⓓ	49	Ⓐ	●	Ⓒ	Ⓓ		
23	●	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ	50	Ⓐ	Ⓑ	Ⓒ	●		
24	●	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ							
25	●	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ							
26	●	Ⓑ	Ⓒ	Ⓓ							
27	Ⓐ	Ⓑ	●	Ⓓ							